

Bản án số: 196/2019/DS-PT

Ngày: 30/7/2019

V/v tranh chấp tiền hụi, tiền vay và
thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLPT- DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp tiền hụi, tiền vay và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2019/QĐPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Hồng T1, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1: Ông Lê Thanh Thuận, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Thanh Thuận – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1/ Chị Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh 1981 (Có mặt)

2/ Anh Phạm Thế T2, sinh năm 1985 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ..

Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C ..

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của chị N1, anh T2: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 97, Huỳnh Thúc Kháng, khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N1, anh T2: Ông Trần Hoàng Phương, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Hoàng Phương – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phan Thị Nghiêm, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M và bà N2: Ông Trần Hoàng Phương, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Hoàng Phương – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

3/ Bà Trịnh Thị T4, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

4/ Chị Nguyễn Thúy L, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C ..

5/ Chị Huỳnh Hồng D, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

6/ Ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ N1 và Phạm Thế T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Huỳnh Hồng T1 trình bày:*

Về nợ tiền vay: Vợ chồng chị N1 vay tiền của chị nhiều lần, đến tháng 01/2018 chốt nợ số tiền là 1.028.000.000 đồng; Vợ chồng chị N1 nhờ chị bảo lãnh vô hụi của ông Huỳnh Văn T3 (cha chị T1) 04 chân hụi 10.000.000 đồng, hốt hụi được 688.000.000 đồng khoản tiền này dùng vào việc trả nợ tiền vay, nên tiền vay còn nợ 340.000.000 đồng, phần này chốt lại không tính lãi.

Về nợ hụi: Chị bảo lãnh cho chị N1 tham gia chơi hụi, loại hụi ai bỏ thăm cao được hốt, chủ hụi được hưởng tiền cò (hoa hồng), cụ thể:

+ Hụi do ông Huỳnh Thanh T3 làm chủ: 02 chân hụi 1.000.000 đồng, hụi 64 chân khai ngày 15/9/2017 âm lịch (âl) một tháng khai 02 lần, đã hốt hết 02 chân hụi, sau khi hốt hụi có đóng hụi chết còn nợ 37 kỳ x 02 chân bằng 74.000.000 đồng.

+ Hụi 10.000.000 đồng mở ngày 30/02/2018 âl, 21 chân, 01 tháng khai một lần, hốt kỳ đầu tiên 04 chân (hốt 01 chân, giao 03 chân), thăm bỏ 1.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi có đóng lại hụi chết được 260.000.000 đồng, tính đến mãn hụi còn nợ lại 540.000.000 đồng.

+ Hụi do Huỳnh Hồng D làm chủ 01 chân, hụi 5.000.000 đồng, còn nợ 06 kỳ bằng 30.000.000 đồng; 03 chân hụi 2.000.000 đồng còn nợ 03 kỳ bằng 18.000.000 đồng.

+ Hụi do chị Nguyễn Thúy L làm chủ: 01 chân hụi 5.000.000 triệu đồng, nợ 02 kỳ bằng 10.000.000 đồng.

+ Hụi bà Trịnh Thị T4 làm chủ: 02 dây hụi ngày mỗi ngày góp 200.000 đồng,

góp chưa đủ còn nợ 33.000.000 đồng.

Tổng cộng yêu cầu thanh toán là 340.000.000 đồng + 540.000.000 đồng + 132.000.000 đồng (74.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 18.000.000 đồng + 10.000.000 đồng) + 29.000.000 đồng = 1.041.000.000 đồng.

Việc tham gia hót hụi, đóng hụi đều do chị giao dịch với chủ hụi, chị N1 và anh T2 không trực tiếp giao dịch, đã qua chị đóng hụi thay cho chị N1 nhiều kỳ. Do chị N1, anh T2 không có khả năng trả nợ nên cha mẹ ruột chị N1 là ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị Nghiêm có bảo lãnh trả nợ thay nếu vợ chồng chị N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị. Việc thỏa thuận có lập biên bản và các bên cùng ký xác nhận. Chị T1 yêu cầu chị N1, anh T2, ông M và bà N2 có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho chị 1.041.000.000 đồng.

Phản bảo lãnh vay của chị T4 145.000.000 đồng, thế chấp sổ hợp đồng giao khoán do anh T2 đứng tên, sau khi chuyển nhượng đất đã thanh toán cho chị T4 đủ nên phần này không yêu cầu.

- *Chị Nguyễn Thị Mỹ N1 trình bày:* Chị có nợ tiền chị Huỳnh Hồng T1, cụ thể:

+ Hụi 5.000.000 đồng nợ 02 kỳ hụi chết là 10.000.000 đồng; Hụi 2.000.000 đồng nợ 03 kỳ x 03 chân bằng 18.000.000 đồng; Hụi 5.000.000 đồng nợ 06 kỳ bằng 30.000.000 đồng; Hụi 1.000.000 đồng khai ngày 15/9/2017 ân một tháng khai 02 lần 64 chân còn nợ 37 kỳ x 02 chân = 74.000.000 đồng; Hụi ngày còn nợ 18.000.000 đồng. Tổng cộng 150.000.000 đồng.

+ Chị T1 bảo lãnh vô hụi 10.000.000 đồng, hụi khai ngày 30/02/2018 ân, chị N1 tham gia 04 chân hụi, hót được 688.000.000 đồng, số tiền này lấy để trả nợ vay (1.028.000.000 đồng – 688.000.000 đồng = 340.000.000 đồng). Dây hụi 21 chân hót đầu, số tiền đóng mãn hụi là 20 kỳ x 04 chân x 10.000.000 đồng/chân = 800.000.000 đồng. Đã đóng được 260.000.000 đồng (mỗi kỳ hụi đóng 40.000.000 đồng, kỳ khai hụi thứ 8 mới đóng hụi 20.000.000 đồng), tính đến mãn hụi là nợ 13 kỳ x 04 chân x 10.000.000 + 20.000.000 đồng nợ = 540.000.000 đồng, nhưng tính đến nay chị T1 mới choàng hụi 260.000.000 đồng.

Chị T1 yêu cầu thanh toán tiền hụi 540.000.000 đồng chị không đồng ý, chỉ đồng ý thanh số tiền là 688.000.000 trừ số tiền đã đóng được 260.000.000 đồng còn nợ 428.000.000 đồng, vì chị chỉ nhận có 688.000.000 đồng.

+ Nợ vay chốt nợ tháng 01/2018 ân là 1.028.000.000 đồng, hót hụi 10.000.000 đồng trả được 688.000.000 đồng, hiện còn nợ 340.000.000 đồng.

Tổng cộng đồng ý thanh toán cho chị T1: 150.000.000 đồng + 340.000.000 đồng + 428.000.000 đồng = 918.000.000 đồng. Trừ chân hụi 2.000.000 đóng 05 kỳ bằng 10.000.000 đồng, đồng ý thanh toán 908.000.000 đồng.

Trách nhiệm trả nợ là của chị, vì chị vay mượn là để cho vay lại, nhưng bị giạt nợ nên không có khả năng trả cho chị T1. Lúc đầu cha mẹ chị có thỏa thuận với chị T1 là để chị chuyển nhượng hết hai phần đất, nếu chị không trả được nợ thì cha mẹ chị hỗ trợ hàng tháng để chị trả nợ. Nhưng do chị T1 kiện, ai cũng biết chị thiếu nợ nên không còn mượn được tiền anh chị em trong nhà trả cho chị T1 nên cha mẹ chị không còn trách nhiệm trả nợ thay theo văn bản thỏa thuận.

- Ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị Nghiêm trình bày: Ông bà có nghe con vay tiền chị T1 100.000.000 đồng, có thể chấp phần đất 11,5ha thửa 49+60, khoảnh 30, tiểu khu 137 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Tam Giang I, do anh T2 đứng tên; phần đất này tháng 9 năm 2018 chuyển nhượng cho người khác nhưng chị T1 ngăn không cho và buộc phải làm giấy thỏa thuận về các khoản nợ và có ông bà bảo lãnh thì chị T1 mới giao trả giấy tờ.

Về khoản nợ trong biên bản thỏa thuận, do lớn tuổi, trình độ không cao nên chúng tôi ký cho qua chuyện. Hơn nữa vì phía chị N1 đã nhận tiền cọc, nếu không chuyển nhượng được sẽ bồi thường cọc.

- Bà Trịnh Thị T4 trình bày: Chị T1 có vô hạn chị N1 02 dây hạn ngày do bà làm chủ, mỗi dây 15.000.000 đồng, hạn đã mãn, chị T1 đóng hạn đầy đủ, chị N1 còn nợ chị T1 khoảng 40.000.000 đồng. Chị N1 có thể chấp sổ hợp đồng giao khoán cho bà T4 vay 145.000.000 đồng, chị T1 là người bảo lãnh, hiện nay chị N1 đã thanh toán đủ phần này và nhận lại sổ giao khoán.

- Chị Nguyễn Thúy L trình bày: Chị T1 có tham gia 01 chân hạn 5.000.000 đồng do chị L làm chủ, hạn có 24 chân, khai ngày 15/10/2017 âm; Khi tham gia hạn chị T1 có nói là chơi hộ chị N1, khi hết hạn, đóng hạn chị T1 liên hệ trực tiếp báo với chị N1 và chị L có chứng kiến; chị T1 đóng hạn đầy đủ không còn nợ, nay hạn đã mãn.

- Chị Huỳnh Hồng D trình bày: Chị có làm chủ hạn, chị T1 có tham gia 03 dây hạn, dây hạn 5.000.000 đồng khai ngày 10/9/2016 âm, một tháng khai 01 lần, chị T1 tham gia 01 chân, hạn đã hết, còn 04 kỳ thì mãn hạn; Dây hạn 2.000.000 đồng khai ngày 05/01/2014 âm, 48 chân, chị T1 tham gia 02 chân, mãn ngày 05/11/2018 âm; Dây hạn 2.000.000 đồng khai ngày 10/8/2015 âm lịch, 41 chân, một tháng khai 01 lần, chị T1 tham gia 01 chân, hạn mãn ngày 10/11/2018 âm.

Khi tham gia hạn chị T1 cũng có nói là chơi hộ chị N1, nhưng chị có nói chơi hộ ai chị không biết, trách nhiệm là của chị T1, sau khi hết hạn chị T1 đã đóng hạn đầy đủ.

- Ông Huỳnh Văn T3 trình bày: Chị T1 là con gái ông, chị T1 có tham gia hạn do ông làm chủ, dây hạn 1.000.000 đồng khai ngày 15/9/2017 âm, tháng khai 02 lần, Tươi tham gia 02 chân và đã hết, sau đó có đóng hạn chết, hiện còn 36 kỳ mới mãn hạn.

Hạn 10.000.000 đồng khai ngày 30/01/2018 âm, 21 chân, Tươi tham gia 04 chân, hết kỳ đầu 04 chân (hết 01 chân, giao 03 chân), sau khi hết hạn có đóng hạn chết đầy đủ, hạn đến tháng 9 năm 2019 âm lịch mới mãn.

Khi tham gia hạn, Tươi có nói chơi hộ cho bạn là chị N1, nhưng ông có nói chị T1 chơi hạn trách nhiệm của chị T1, còn việc chơi hộ cho ai ông không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hồng T1 đối với vợ chồng chị Nguyễn Thị Mỹ N1, anh Phạm Thế T2 về việc thanh toán tiền vay, tiền hạn và thực hiện bảo lãnh đối với ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị Nghiêm.

- Buộc vợ chồng chị N1, anh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị T1 tổng số tiền 997.629.000 đồng. Trong đó: Tiền vay 340.000.000 đồng, tiền hụi 662.000.000 đồng, tiền lãi hụi 5.629.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng chị N1, anh T2 không có khả năng thực hiện nghĩa vụ và không còn tài sản trả được nợ thì ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị Nghiêm có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho chị N1, anh T2.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/5/2019 chị Nguyễn Thị Mỹ N1 và anh Phạm Thế T2 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử buộc anh chị trả số tiền 997.629.000 đồng là không đúng thực tế, xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị Nghiêm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của chị N1 và anh T2.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N1, anh T2, bà N2, ông M phát biểu: Tòa án không xác định nghĩa vụ tiền vay, tiền hụi, bảo lãnh là vi phạm tố tụng; văn bản bảo lãnh do nguyên đơn viết sẵn cho bị đơn ký, có nội dung lừa dối; ngày 22/12/2018 anh T2 có đơn yêu cầu thay đổi văn bản thỏa thuận, từ đó đến nay nguyên đơn không có ý kiến gì nên việc đưa bà N2 và ông M liên quan nghĩa vụ bảo lãnh là không phù hợp, vi phạm tố tụng. Hộ gia đình ông M, bà N2 có 05 người, phần đất ông M và bà N2 được giao khoán là cho hộ gia đình phải có các thành viên hộ gia đình quyết định, nên chỉ có ông M, bà N2 quyết định là không đúng. Hụi đến tháng 10/2019 mới mãn nhưng cấp sơ thẩm giải quyết cả phần hụi đến tháng 10/2019 và việc tính lãi suất theo Nghị quyết 01 là không phù hợp. Đề nghị làm rõ việc cho vay của bà T1. Tờ giao kèo hụi 10.000.000 đồng không rõ, danh sách không phù hợp. Từ những căn cứ trên, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, làm rõ việc bảo lãnh của ông M, bà N2, đề nghị hủy bản án sơ thẩm; nếu không hủy án đề nghị sửa phần hụi, điều chỉnh lãi theo thực tế.

Anh K phát biểu: Thống nhất với ý kiến Luật sư Phương nhưng bổ sung: 04 chân hụi 10.000.000 đồng chỉ hốt được 666.000.000 đồng chứ không phải 688.000.000 đồng (chênh lệch 22.000.000 đồng); sau khi chốt nợ tháng 01/2018 chị N1 có trả cho chị T1 số tiền 152.000.000 đồng, nên phải được trừ 02 khoản tiền này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả cho nguyên số tiền 733.000.000 đồng, sửa án phí dân sự sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của chị T1 phát biểu: Đối với kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, vì:

Về trách nhiệm bảo lãnh của ông M và bà N2: Ông M và bà N2 không có kháng cáo nên phần này đã có hiệu lực pháp luật, việc kháng cáo của bị đơn về trách nhiệm bảo lãnh của ông M, bà N2 là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo. Do ông M, bà N2 vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh nên chị T1 khởi kiện là đương nhiên.

Về số tiền nợ: Tại phiên tòa đại diện bị đơn thừa nhận, chỉ mâu thuẫn số tiền 152.000.000 đồng trả cho chị T4 và số tiền hốt hụi 04 chân hụi 10.000.000 đồng chênh lệch 22.000.000 đồng. Thực tế số tiền chị N1 trả 152.000.000 đồng là trả khoản tiền cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T4 chứ không phải trả trong số tiền nợ của chị T1; số tiền hốt hụi của 04 chân hụi 10.000.000 đồng là 688.000.000 đồng chứ không phải 666.000.000 (có giấy hốt hụi) nên không có việc chênh lệch 22.000.000 như đại diện bị đơn đặt ra. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị T1 thống nhất ý kiến phát biểu của Luật sư Thuận.

Ông M phát biểu: Việc bảo lãnh chưa đến thời hạn theo thỏa thuận nhưng chị T1 đi kiện chị N1, nên ông không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo yêu cầu chị T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị N1 và anh T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỹ N1 và anh Phạm Thế T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T1 yêu cầu chị N1 và anh T2 thanh toán các khoản nợ gồm: Nợ gốc tiền vay sau khi chốt nợ và thanh toán còn 340.000.000 đồng; Hụi 5.000.000 đồng nợ 02 kỳ hụi chết = 10.000.000 đồng; Hụi 2.000.000 đồng nợ 03 kỳ x 03 chân = 18.000.000 đồng; Hụi 5.000.000 đồng nợ 06 kỳ bằng 30.000.000 đồng; Hụi 1.000.000 nợ 37 kỳ x 02 chân = 74.000.000 đồng; Hụi ngày còn nợ 18.000.000 đồng; Hụi 10.000.000 yêu cầu thanh toán khoản tiền đóng thay 260.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất theo mỗi kỳ đóng hụi, tính đến mãn hụi còn 07 kỳ yêu cầu trả lại vốn gốc 07 kỳ x 9.000.000đ/chân x 04 chân = 252.000.000 đồng. Tổng cộng bằng 1.002.000.000 đồng, được trừ tiền hụi sống 02 triệu đóng 05 kỳ = 10.000.000 đồng, còn 992.000.000 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị N1 thừa nhận nợ chị T1 các khoản: Hụi 5.000.000 đồng nợ 02 kỳ hụi chết = 10.000.000 đồng; Hụi 2.000.000 đồng nợ 03 kỳ x 03 chân = 18.000.000 đồng; Hụi 5.000.000 đồng nợ 06 kỳ bằng 30.000.000 đồng; Hụi 1.000.000 nợ 37 kỳ x 02 chân = 74.000.000 đồng; Hụi ngày nợ 18.000.000 đồng. Tổng cộng 150.000.000 đồng; tiền vay còn 340.000.000 đồng; Tiền của dây hụi 10.000.000 không đồng ý trả theo giá trị chân hụi mà trả lại vốn gốc 688.000.000 thanh toán được 260.000.000 còn 428.000.000 đồng, đồng ý trả lãi 28.000.000 đồng cho 07 kỳ hụi mà chị T1 đóng thay; tổng cộng nợ 946.000.000 đồng trừ tiền chân hụi 2.000.000 đã đóng được 05 kỳ bằng 10.000.000 đồng, còn nợ 936.000.000 đồng và đồng ý thanh toán cho chị T1.

Như vậy các khoản nợ được chị chị T1 và chị N1 thống nhất gồm: Tiền hụi 5.000.000 đồng nợ 02 kỳ hụi chết = 10.000.000 đồng; Hụi 2.000.000 đồng nợ 03 kỳ x 03 chân = 18.000.000 đồng; Hụi 5.000.000 đồng nợ 06 kỳ bằng 30.000.000 đồng; Hụi 01 triệu nợ 37 kỳ x 02 chân = 74.000.000 đồng; Hụi ngày 18.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng; Tiền vay 340.000.000 đồng; Tổng cộng các khoản là 490.000.000 đồng.

[3] Đối với dây hụi 10.000.000 một tháng khui 01 lần, tại thời điểm giao dịch hụi thì thành viên tham gia hụi đều thống nhất là hụi có lãi, lãi mà thành viên được hưởng từ việc bỏ thăm ở từng kỳ hụi, đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các thành viên khi tham gia. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường (viết tắt Nghị định 144) quy định về quyền của thành viên trong họ đầu thảo: *Đưa ra mức lãi ở mỗi kỳ mở họ* (hiện nay được quy định tại Điều 20 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường). Trên tinh thần quy định của điều luật phù hợp với sự tự nguyện giữa các thành viên khi tham gia hụi và hụi viên có quyền bỏ thăm ở mỗi kỳ mở hụi và họ được hưởng khoản lãi hụi, chị N1 hốt hụi đầu tiên thì phải mất một khoản lãi cho những hụi viên hốt hụi sau là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên phần lãi hụi được chấp nhận.

[4] Căn cứ vào giấy nhận tiền hụi, biên bản thỏa thuận ngày 15/11/2018 và biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2018 có cơ sở khẳng định vợ chồng chị N1 có tham gia hụi 10.000.000 đồng khui ngày 30/02/2018 âm, hụi có 21 chân do ông Huỳnh Văn T3 cha ruột chị T1 làm chủ, chị T1 bảo lãnh chị N1 tham gia 04 chân hụi (danh sách hụi ghi tên Nương), hụi hốt đầu tiên 04 chân (hốt 01 chân giao 03 chân), số tiền hốt hụi được sau khi trừ tiền còn còn 688.000.000 đồng. Số tiền chị N1 phải đóng lại hụi chết 800.000.000 đồng; chị N1 đóng được 260.000.000 đồng; còn lại 540.000.000 đồng, chị T1 đã đóng thay cho chị N1 260.000.000 đồng. Chị N1 cho rằng bản thân không vi phạm nghĩa vụ đóng hụi là không có cơ sở, bởi lẽ: Kỳ khui hụi thứ tám ngày 30/9/2018 âm (ngày 06/11/2018 dương) chị N1 chỉ đóng 20.000.000 đồng (chưa đóng đủ) và tại biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2018 là chị N1 thanh toán cho chị T1 60.000.000 nhưng chị N1 chưa trả.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm chị N1 thừa nhận là có ký giấy nhận tiền hụi của dây hụi 10.000.000, nhưng số tiền này chị N1 không nhận mà trừ khoản nợ vay đã chốt nợ vào tháng 01/2018 âm là 1.028.000.000 đồng, nên khoản nợ vay còn lại 340.000.000 đồng. Mặt khác, chị N1 cũng xác nhận là số tiền 260.000.000 là tiền đóng hụi cho chân hụi 10.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của chị T1 về việc buộc chị N1 thanh toán tiền chân hụi 10.000.000 là có căn cứ được chấp nhận. Cụ thể chị T1 yêu cầu trả lại số tiền đóng hụi thay tính đến ngày xét xử là 260.000.000 đồng, còn lại 07 kỳ hụi tính đến mãn hụi yêu cầu trả gốc đã nhận 9.000.000 đồng/chân hụi x 04 chân x 07 kỳ hụi = 252.000.000 đồng, tổng cộng yêu cầu 512.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Vì chị T1 đóng hụi thay cho chị N1, trong khi chị T1 không hưởng lợi ích gì từ giao dịch hụi này, việc chậm đóng hụi của chị N1 làm ảnh hưởng đến quyền lợi chị T1 nên việc chị T1 yêu cầu chị N1 trả lãi là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận. Án sơ thẩm buộc chị N1 thanh toán phần lãi cho chị T1 của số tiền đóng hụi thay của 06 kỳ bằng 5.629.000 đồng là phù hợp. Tổng vốn, lãi của 04 chân hụi của dây hụi 10.000.000 chị N1 phải thanh toán cho

chị T1 là 517.629.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị T1 khởi kiện được chấp nhận là 517.629.000 đ + 490.000.000 đồng = 1.007.629.000 đồng, được trừ 10.000.000 đồng tiền chân hụi sống, số tiền còn được chấp nhận là 997.629.000 đồng.

[7] Xét trách nhiệm trả nợ của chị N1, anh T2 : Anh T2 và chị N1 là vợ chồng, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; anh T2 biết việc chị N1 vay nợ và giao dịch hụi với chị T1; việc chị N1 vay nợ, chơi hụi nhằm phục vụ sinh hoạt chung của gia đình; tại văn bản thỏa thuận ngày 15/11/2018 anh T2 có ký xác nhận nhận nợ và thỏa thuận thanh toán cho chị T1; đồng thời quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh T2 không có ý kiến phản đối việc chị T1 khởi kiện yêu cầu anh T2 cùng thanh toán nợ. Do đó, án sơ thẩm buộc chị N1 và anh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền vay, tiền hụi và tiền lãi cho chị T1 số tiền 997.629.000 đồng là có căn cứ.

[8] Đối với đề nghị của đại diện bị đơn trừ số tiền 152.000.000 đồng chị N1 đã trả chị T1 và số tiền chênh lệch của 04 chân hụi 10.000.000 đã hết là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ : Tại cấp sơ thẩm chị N1 thừa nhận số tiền đã trả 152.000.000 là trả tiền cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T4 (không phải trả nợ chị T1) và số tiền hết của 04 chân hụi 10.000.000 đồng là 688.000.000 đồng (phù hợp với giấy nhận tiền hụi có trong hồ sơ).

[9] Xét yêu cầu trách nhiệm bảo lãnh của ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị Nghiêm xét thấy: Trong quá trình giao dịch hụi và vay tiền phía chị N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chị T1 khởi kiện tại Tòa án; Ngày 15/11/2018 giữa chị T1, chị N1, anh T2, ông M và bà N2 có văn bản thỏa thuận về việc bảo lãnh thanh toán nợ; Đến ngày 20/11/2018 thì chị T1, chị N1, ông M, bà N2 tiếp tục thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông và có lập biên bản thỏa thuận bảo lãnh nợ. Sau khi ký biên bản thỏa thuận chị T1 đã rút đơn khởi kiện, Tòa án ra quyết định đình chỉ ngày 21/11/2018, giấy tờ liên quan đến đất đai trả lại cho phía chị N1, nhưng khi chuyển nhượng và nhận tiền cọc chuyển nhượng đất chị N1 không thanh toán cho chị T1 theo thỏa thuận, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của chị T1, nên án sơ thẩm buộc ông M và bà N2 thực hiện nghĩa vụ đối với việc bảo lãnh nợ là đúng pháp luật. Ông M và bà N2 cũng không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, nên việc chị N1 và anh T2 kháng cáo phần nghĩa vụ bảo lãnh của ông M và bà N2 là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Đối với ý kiến của Luật sư cho rằng không đưa các thành viên của hộ gia đình ông M, bà N2 là vi phạm tố tụng là không có căn cứ, bởi lẽ : Án sơ thẩm chỉ xem xét buộc ông M, bà N2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thỏa thuận, không đề cập đến việc xử lý tài sản là phần đất giao khoán cho hộ gia đình ông M, bà N2 nên án sơ thẩm không đưa tất cả các thành viên hộ gia đình để tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị N1 và anh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm, bản án sơ thẩm có nhầm lẫn, cụ thể tại biên lai thu số 0016217 thể hiện chị T1 nộp 10.807.500 đồng, nhưng án sơ thẩm ghi 11.807.500 đồng nên được điều chỉnh lại cho đúng thực tế.

Án phí dân sự phúc thẩm chị N1 và anh T2 phải chịu theo quy định pháp luật.

[12] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỹ N1 và anh Phạm Thế T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hồng T1 đối với chị Nguyễn Thị Mỹ N1, anh Phạm Thế T2 về việc thanh toán tiền vay, tiền hụi và thực hiện bảo lãnh đối với ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị Nghiêm.

- Buộc chị N1, anh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị T1 tổng số tiền 997.629.000 đồng, trong đó: Tiền vay 340.000.000 đồng; Tiền hụi 662.000.000 đồng; Tiền lãi hụi 5.629.000 đồng.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị N1 và anh T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp chị N1, anh T2 không có khả năng thực hiện nghĩa vụ và không còn tài sản trả được nợ thì ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị Nghiêm có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho chị N1, anh T2.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị N1 và anh T2 phải chịu 41.928.870 đồng.

Chị T1 không phải chịu án phí; chị T1 đã dự nộp 10.807.500 đồng theo biên lai thu số 0016217 ngày 04/11/2018 và 700.000 đồng theo biên lai thu số 0016279 ngày 14/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm chị N1 và anh T2 phải chịu 300.000 đồng; ngày 27/5/2019 chị N1 và anh T2 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016472 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu án phí.

Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập